

Bản án số: 370/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2018

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thạch Út

Bà Mai Thị Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2018/TLST-HNGĐ ngày 2 tháng 10 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 5 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1985 (**Có mặt**)
Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Mỹ T, xã P, huyện Phú Tân, An Giang

*** Bị đơn:** Anh **Lý Phi L**, sinh năm: 1983 (**Vắng mặt**)
Địa chỉ: Tổ 10, ấp H, TT A, huyện Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 10/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lý Phi L kết hôn vào năm 2011, hôn nhân xây dựng trên cơ sở do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống gia đình bên chị N, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do anh L ăn nhậu, không quan tâm vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ cuối năm 2016 anh L về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh L chỉ điện thoại cho chị 01 lần và nói “ nếu muốn ly hôn thì làm đơn gửi ra tòa, anh L sẽ ký”. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Phi L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lý Phi L có 01 con chung tên là Lý Nguyễn Thắng, sinh năm: 2012. Hiện tại đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Thắng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lý Phi L vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị N. Tòa án cũng tiến hành xác minh lấy lời khai của anh L nhưng anh L vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được. Qua xác minh tại địa phương thì anh L còn hộ khẩu thường trú tại tổ 4, ấp Hòa Long IV, TT An Châu, huyện Châu Thành, An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N ly hôn với anh L. Về con chung: Đề nghị giao cháu Thắng cho chị N nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi cháu Thắng. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Lý Phi L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lý Phi L theo quy định pháp luật.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lý Phi L kết hôn vào năm 2011, hôn nhân xây dựng trên cơ sở do mai mối, có tổ chức cưới và có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Thọ. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chi N trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, anh L sinh ra ăn chơi, nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng luôn bất hòa với nhau, gia đình không êm ấm hạnh phúc, kéo dài thời gian chịu đựng vợ chồng ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Thời gian ly thân hai bên cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hiện tại chi N xác định không còn tình cảm với anh L, tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chi N và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chi N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lý Phi L có 01 con chung tên Lý Nguyễn Thắng, sinh năm 2012. Sau khi ly hôn chi N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thắng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Thắng từ nhỏ đến nay đều sống chung với chi N, cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu, nghĩ nên để chi N được tiếp tục nuôi cháu Thắng là phù hợp. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con theo như yêu cầu của chi N là hoàn toàn phù hợp.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N. Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Lý Phi L

2. **Về nuôi con chung:** Chị Nguyễn Thị Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Nguyễn Thắng, sinh năm: 2012. Anh Lý Phi L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị Kim N phải tạo điều kiện thuận lợi cho

anh L gần được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008675 ngày 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2018). Anh Lý Phi L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung